TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2024
Về việc: "T/c hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thuận**
2. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Tầng 1, 2, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T T, số B T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh D – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K.

Ông D *ủy quyền lại cho*: Ông Hoàng Đình M – Chức vụ: Giám đốc Phòng G.

Địa chỉ: Đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Tấn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B ***ủy quyền cho ông*** Hoàng Đình M ***trình bày***: Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 ký giữa ông Đỗ Tấn N với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K – Phòng G theo các nội dung sau:

- Số tiền vay: 200.000.000đ.
- Phương thức cho vay: Từng lần.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng.

- Lãi suất cho vay ban đầu: 12.5%/năm.

- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 15 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ 3.330.000đ, kỳ cuối trả 3.530.000đ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/9/2018.

- Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả cùng kỳ với trả nợ gốc: Lãi theo dư nợ gốc thực tế.

- Tài sản bảo đảm: Không có TSBĐ (Tín chấp).

- Số tiền gốc phải trả tính đến ngày 21/5/2021 là 103.561.005đ.

- Số tiền lãi quá hạn và lãi phạt phải trả tính đến ngày 21/5/2021 là 4.448.258đ.

Tổng số tiền gốc, lãi quá hạn và lãi phạt phải trả tính đến ngày 21/5/2021 là 108.049.263đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N có thanh toán thêm cho ngân hàng, do đó, tính đến ngày 04/12/2023, ông N còn nợ ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 56.493.036 đồng.

- Lãi quá hạn: 5.431.667 đồng.

- Lãi phạt gốc: 11.527.181 đồng.

- Lãi phạt lãi: 994.631 đồng.

- Tổng gốc lãi và lãi phạt: 74.446.515 đồng.

Khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 tại Điều 04 và Điều 07 của hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu: Tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 ký giữa ông Đỗ Tấn N với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K – P.

Buộc ông Đỗ Tấn N phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và lãi phạt, các chi phí phát sinh cho Ngân hàng B – Chi nhánh K – P theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018, tính đến ngày 30/01/2024 như sau:

- Tiền gốc: 56.493.036 đồng.

- Lãi trong hạn: 5.431.667 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn: 12.882.928 đồng.

- Lãi trên nợ lãi chậm trả: 1.088.673 đồng.

- Tổng gốc và lãi: 75.896.304 đồng.

Đồng thời yêu cầu ông Đỗ Tấn N phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD01210810485A ngày 22/8/2018 đã ký với Ngân hàng tính kể từ sau ngày 30/01/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

- Bị đơn ông Đỗ Tấn N: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tính từ ngày thụ lý đến khi xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm chung.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 BLDS 2015, Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và, khoản 1 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Đỗ Tấn N thanh toán tiền gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP B đến ngày 04/12/2023 là 73.457.884 đồng. Trong đó, nợ gốc là 56.493.036 đồng, lãi quá hạn 5.431.667 đồng và lãi phạt gốc 11.527.181 đồng.

- Bác yêu cầu tính lãi phạt lãi 994.631 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Bị đơn cư trú tại ấp C, xã C, thành phố P nên theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Bình M1 có đơn vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Tấn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 22/8/2018, Ngân hàng B - Chi nhánh K – Phòng G và ông Đỗ Tấn N ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A để vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, với lãi suất 12,5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/01/2024 là 75.896.304 đồng (trong đó gốc 56.493.036 đồng; lãi trong hạn 5.431.667 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn 12.882.928 đồng và lãi trên nợ lãi chậm trả 1.088.673 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 ký giữa Ngân hàng TMCP B và ông Đỗ Tấn N với các nội dung sau:

Số tiền vay: 200.000.000đ.

Phương thức cho vay: Từng lần.

Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng.

Thời hạn cho vay: 60 tháng.

Lãi suất cho vay ban đầu: 12.5%/năm.

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 15 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ 3.330.000đ, kỳ cuối trả 3.530.000đ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/9/2018.

Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả cùng kỳ với trả nợ gốc. Lãi theo dư nợ gốc thực tế.

Tài sản bảo đảm: Không có TSBĐ (Tín chấp).

Xét thỏa thuận của các bên về lãi suất cho vay trong hạn, quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng, Điều 7 và khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bên vay là ông Đỗ Tấn N đã trả được 143.506.964 đồng gốc và tiền lãi trong hạn, nhưng sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc của kỳ tiếp theo, với tổng số tiền nợ gốc còn lại là 56.493.036 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn. Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 7 của Hợp đồng nên phía Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Đồng thời, theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay sẽ chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nên xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc buộc ông N trả nợ gốc và lãi là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 ký giữa ông Đỗ Tấn N với Ngân hàng TMCP B là chưa phù hợp, vì tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/01/2024) thì Hợp đồng nêu trên cũng đã đến ngày đáo hạn (tức ngày 22/8/2023) nên đã tự động chấm dứt theo thỏa thuận của đương sự ghi trong hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông N phải trả cho Ngân hàng B số tiền 75.896.304 đồng (trong đó gốc 56.493.036 đồng; lãi trong hạn 5.431.667 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn 12.882.928 đồng và lãi trên nợ lãi chậm trả 1.088.673 đồng).

[4] Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.701.231 đồng, theo biên lai thu số 0004183, ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ông Đỗ Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 3.795.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 422 BLDS 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với bị đơn ông Đỗ Tấn N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Đỗ Tấn N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 75.896.304 đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng), (trong đó gốc 56.493.036 đồng; lãi trong hạn 5.431.667 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn 12.882.928 đồng và lãi trên nợ lãi chậm trả 1.088.673 đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/01/2024) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/02/2024, ông Đỗ Tấn N còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD012108180485A ngày 22/8/2018 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.701.231 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), theo biên lai thu số 0004183, ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ông Đỗ Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 3.795.000 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSNDTP Phú Quốc;
- CC.THADS TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình